

BỘ XÂY DỰNG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **316** /BXD-KHTC
V/v báo cáo tình hình thực hiện
hoạt động đấu thầu năm 2019



Hà Nội, ngày **19** tháng **12** năm **2019**

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng
sử dụng vốn Ngân sách nhà nước năm 2019

Thực hiện văn bản số 8936/BKHĐT-QLĐT ngày 28/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2019. Bộ Xây dựng đề nghị các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng sử dụng vốn Ngân sách nhà nước năm 2019 báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2019 của đơn vị mình với các nội dung tại các phụ lục kèm theo.

Đề nghị các đơn vị gửi báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2019 theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, gửi về Bộ Xây dựng (Vụ Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 05/01/2020 và gửi qua Email: hoandang81@gmail.com để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Các đơn vị thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ và chất lượng. Trường hợp báo cáo chậm trễ sau thời hạn nêu trên, người đứng đầu các đơn vị phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và các đơn vị này sẽ không được giao vốn để triển khai thực hiện việc lựa chọn nhà thầu năm 2020./.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ XD;
- Các Thứ trưởng; | Để b/cáo
- Vụ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC. 

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHỖ VỤ TRƯỞNG



Đàm Đức Biên

PHỤ LỤC 1
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU
NĂM 2019

(Đính kèm văn bản số 316 /BXD-KHTC ngày 19 / 12 /2019 của Bộ Xây dựng)



Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2019 theo các nội dung sau:

Phần I. Tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu

I. Kết quả thực hiện

1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2019:

Tổng hợp kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án và dự toán mua sắm thường xuyên bao gồm cả qua mạng và không qua mạng tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm theo lĩnh vực đấu thầu; theo hình thức lựa chọn nhà thầu; theo phân loại dự án; theo lựa chọn nhà thầu qua mạng.

2. Công tác phổ biến, quán triệt việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu:

- Kết quả việc phổ biến, quán triệt bằng văn bản.
- Số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến, quán triệt thực hiện pháp luật về đấu thầu, số lượng đại biểu tham gia.
- Số lượng các khóa đào tạo về đấu thầu (cơ bản, nâng cao, đấu thầu qua mạng, theo chuyên đề...), số lượng học viên.
- Các hình thức phổ biến, quán triệt khác.

3. Tình hình thực hiện việc đăng tải thông tin trong đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng:

Báo cáo kết quả thực hiện đấu thầu qua mạng theo các nội dung dưới đây:

- a) Kết quả thực hiện việc đăng tải thông tin trong đấu thầu.
- b) Kết quả thực hiện việc lựa chọn nhà thầu qua mạng: Nêu rõ số lượng các gói thầu thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng, giá trị trúng thầu, lĩnh vực đấu thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, số lượng gói thầu lựa chọn nhà thầu qua mạng mà nhà thầu được ưu đãi trúng thầu, số lượng kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng đã được đăng tải, số lượng gói thầu đấu thầu qua mạng bị hủy thầu và lý do hủy thầu.

4. Tình hình phân cấp trong đấu thầu:

Báo cáo tình hình thực hiện phân cấp trong đấu thầu: bao gồm các văn bản hướng dẫn về phân cấp trong đấu thầu đã ban hành (loại văn bản, cấp ký, thời gian, hiệu lực, phạm vi).

5. Công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu:

Báo cáo về số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra (gồm các cuộc kiểm tra chuyên sâu về đấu thầu, các cuộc thanh tra, kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu) và các vấn đề chính được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

6. Công tác đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu:

Báo cáo về đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu, bao gồm: tổng số lượng cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu, số lượng cán bộ có chứng chỉ, chứng nhận đã tham gia khóa học đấu thầu và đấu thầu qua mạng.

7. Giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm:

- Việc giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được, cách thức và kết quả giải quyết kiến nghị

- Việc xử lý vi phạm trong đấu thầu: tổng số tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, số lượng quyết định xử lý vi phạm, hình thức xử lý vi phạm, công khai xử lý vi phạm.

8. Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các dự án/gói thầu:

Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các dự án/gói thầu, bao gồm: số lượng, quốc tịch nhà thầu, giá trị trúng thầu.

9. Cập nhật tên và chức danh của Lãnh đạo phụ trách trực tiếp công tác đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành hoặc địa phương, doanh nghiệp theo quy định tại khoản 13 Điều 129 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

10. Tình hình triển khai Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/4/2017 và Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 24/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Công tác ngăn ngừa, xử lý các hành vi tiêu cực trong đấu thầu.

- Báo cáo về việc tổ chức quán triệt, biện pháp thực hiện và kết quả thực hiện nội dung các Chỉ thị.

11. Các nội dung khác (nếu có).

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu năm 2019

Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị năm 2019 theo **tình nội dung**

nêu tại Mục I, bao gồm:

1. Kết quả đạt được;
2. Hạn chế, tồn tại;
3. Nguyên nhân.

III. Giải pháp và kiến nghị

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu năm 2019, các cơ quan, đơn vị đề xuất kiến nghị và giải pháp để đảm bảo triển khai tốt công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong năm 2019.

Phần II. Tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư I. Kết quả thực hiện

1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư năm 2019:

Tổng hợp kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực, địa phương mình quản lý, bao gồm: số lượng dự án lựa chọn thực hiện theo hình thức đối tác công tư theo quy định của Chính phủ về đầu tư PPP; số lượng dự án đầu tư sử dụng các khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao, cần lựa chọn nhà đầu tư, thuộc danh mục dự án được phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP; hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư, phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

2. Công tác phổ biến, quán triệt việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

- Kết quả việc phổ biến, quán triệt bằng văn bản.
- Số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến, quán triệt thực hiện pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất đơn vị mình tổ chức trong năm 2019, số lượng đại biểu tham gia.
- Số lượng các khóa đào tạo về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất đơn vị mình tổ chức trong năm 2019, số lượng học viên.
- Các hình thức phổ biến, quán triệt khác.

3. Tình hình thực hiện việc đăng tải thông tin trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

Báo cáo kết quả thực hiện đăng tải thông tin trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày

04/5/2018 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Đơn vị tổng hợp số lượng danh mục dự án, thông báo mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, thông báo mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư, hợp đồng dự án PPP đã đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong năm 2019. Nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình đăng tải.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

Báo cáo số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra (gồm các cuộc kiểm tra chuyên sâu về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, các cuộc thanh tra, kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư) và các vấn đề chính được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

5. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư:

Báo cáo về việc giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được, cách thức và kết quả giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu (tổng số tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, hình thức xử lý vi phạm, công khai xử lý vi phạm).

6. Thông tin về nhà đầu tư nước ngoài trúng thầu tại các dự án:

Thông tin về nhà đầu tư nước ngoài trúng thầu tại các dự án PPP/dự án đầu tư có sử dụng đất, bao gồm: số lượng, quốc tịch nhà đầu tư, thông tin cơ bản về dự án (địa điểm, quy mô, công suất, tổng mức đầu tư...).

7. Thông tin về các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu nhưng chọn áp dụng quy định của Luật Đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư:

Thông tin cơ bản về các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu nhưng chọn áp dụng quy định của Luật Đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư: lĩnh vực đầu tư, quy mô, công suất, tổng mức đầu tư, địa điểm ...

8. Cập nhật tên và chức danh của Lãnh đạo phụ trách trực tiếp công tác đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành hoặc địa phương, doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 99 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

9. Các nội dung khác (nếu có).

II. Hạn chế, tồn tại, nguyên nhân

Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của hạn chế, tồn tại này trong quá trình thực hiện dự án PPP/dự án có sử dụng đất trong năm 2019 của đơn vị.

III. Giải pháp và kiến nghị

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư năm 2019, đề nghị các đơn vị nêu các kiến nghị, đề xuất và kế hoạch thực hiện cho năm tiếp theo để đảm bảo hiệu quả, hiệu lực trong quản lý và thực hiện hoạt động đấu thầu.